

Phần 2

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỐI VỚI HỌC SINH KHI THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Những tín hiệu giao thông học sinh, sinh viên cần biết khi đi đường

Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn.

Trong quá trình tham gia hoạt động giao thông, mọi người có thể gặp cùng một lúc xuất hiện các hình thức báo hiệu; vì vậy, phải nắm được quy định về thứ tự hiệu lực đối với các tín hiệu đó. Cần lưu ý như sau:

- Khi đồng thời có các hình thức báo hiệu ở cùng một khu vực mà ý nghĩa của chúng khác nhau thì người sử dụng đường phải chấp hành hiệu lệnh theo thứ tự quy định như sau:

- + Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.
- + Tín hiệu đèn hoặc cờ.

+ Hiệu lệnh của biển báo hiệu .

+ Vạch kẻ đường.

- Khi ở chỗ đã có biển báo hiệu đặt cố định lại có biển báo hiệu khác đặt có tính chất tạm thời mà hai biển có ý nghĩa khác nhau thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của biển đặt tạm thời.

- Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện giao thông phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện giao thông phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.

Theo Luật giao thông đường bộ đã được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 13-11-2008 tại kỳ họp thứ 4, có hiệu lực thi hành từ 01-7-2009 (sau đây gọi là Luật giao thông đường bộ năm 2008). Về tín hiệu giao thông được quy định ở Điều 10, cụ thể như sau:

“ ...

1. Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn.

2. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông quy định như sau:

a) Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng dừng lại;

b) Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi;

c) Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông.

3. Tín hiệu đèn giao thông có ba màu, quy định như sau:

a) Tín hiệu xanh là được đi;

b) Tín hiệu đỏ là cấm đi;

+ Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường ...”.

Cần lưu ý, trong một số trường hợp gặp tín hiệu mũi tên của đèn xanh phụ, các phương tiện giao

thông được phép đi theo hướng chỉ của mũi tên, nhưng phải chú ý nhường đường cho các phương tiện đang đi theo hướng có đèn xanh chính.

Tín hiệu nhấp nháy: Báo hiệu rằng thời gian đèn xanh chuẩn bị kết thúc và chuyển sang tín hiệu vàng.

Ngoài ra, khi tham gia giao thông cũng cần nắm vững và chấp hành các quy định của các biển báo hiệu trên hệ thống đường bộ Việt Nam.

2. Một số quy định nhằm bảo đảm an toàn khi đi bộ

- Theo Điều 32, Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định đối với người đi bộ khi tham gia giao thông cần phải chấp hành:

+ Người đi bộ phải đi trên hè phố, lề đường; trường hợp đường không có hè phố, lề đường thì người đi bộ phải đi sát mép đường.

+ Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn.

+ Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường.

+ Người đi bộ không được vượt qua dải phân cách, không đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ.

+ Trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường đô thị, đường thường xuyên có xe cơ giới qua lại phải có người lớn dắt; mọi người có trách nhiệm giúp đỡ trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường.

- Luật giao thông đường bộ năm 2008 cũng quy định rất cụ thể đối với người khuyết tật, người già yếu khi tham gia giao thông (Điều 33). Vì thế, học sinh các cấp học, kể cả học sinh bậc tiểu học cũng cần biết để có trách nhiệm giúp đỡ họ. Các quy định cụ thể đối với người khuyết tật, người già yếu khi tham gia giao thông đó là:

+ Người khuyết tật sử dụng xe lăn không có động cơ được đi trên hè phố và nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ.

+ Người khiếm thị khi đi trên đường bộ phải có người dắt hoặc có công cụ để báo hiệu cho người khác nhận biết đó là người khiếm thị.

+ Mọi người có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, người già yếu khi đi qua đường.

- Đối với các tuyến đường ngoài khu vực đông dân cư, những trường hợp dẫn dắt súc vật khi đi trên đường bộ cũng phải chấp hành quy định của

Luật giao thông đường bộ năm 2008, các quy định đó được quy định tại Điều 34 như sau:

+ Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải cho súc vật đi sát mép đường và bảo đảm vệ sinh trên đường; trường hợp cần cho súc vật đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn.

+ Không được dẫn dắt súc vật đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.

3. Những trường hợp học sinh khi đi bộ thường vi phạm

a) Không đi bộ trên hè phố, lề đường; không đi bộ sát mép đường.

b) Khi có nhu cầu sang đường thì đi bộ tùy tiện qua đường ở mọi chỗ, mọi nơi; không tuân thủ quy định của đèn tín hiệu, của vạch kẻ đường.

c) Đi bộ ở những đường có mật độ xe cơ giới đông; tùy tiện trèo, vượt qua dải phân cách,...

d) Chạy theo và đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy;

đ) Đi lại mang vác vật cồng kềnh gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

e) Chế tài xử phạt vi phạm hành chính:

- Tại Điều 9, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực

giao thông đường bộ và đường sắt đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 107/2014/NĐ-CP ngày 17-11-2014 (sau đây viết tắt là Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung), có quy định xử phạt người đi bộ vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như sau:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không đi đúng phần đường quy định trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này;

(b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường;

(c) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, người kiểm soát giao thông.

(2) Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Mang, vác vật cồng kềnh gây cản trở giao thông;

(b) Vượt qua giải phân cách; đi qua đường không đúng nơi quy định hoặc không bảo đảm an toàn;

(c) Đu, bám vào phương tiện giao thông đang chạy.

(3) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với người đi bộ đi vào đường cao tốc, trừ người phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

- Trong thực tế hiện nay, nhiều em học sinh trung học phổ thông đi học bằng phương tiện vận

tải công cộng; do đó cũng cần nắm vững các quy định của pháp luật giao thông đường bộ. Tại điều 32, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt hành khách đi xe vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông, như sau:

(1) Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không chấp hành hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và các quy định bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

(b) Gây mất trật tự trên xe.

(2) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Mang hóa chất độc hại, chất dễ cháy, nổ, hàng nguy hiểm hoặc hàng cấm lưu thông trên xe khách;

(b) Đe dọa, xâm phạm, sức khỏe hoặc xâm phạm tài sản của người khác đi trên xe;

c) Đu, bám vào thành xe; đứng, ngồi, nằm trên mũ xe, nóc xe, trong khoang chở hành lý; tự ý mở cửa xe hoặc có hành vi khác không bảo đảm an toàn khi xe đang chạy.

(3) Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức tịch thu hóa chất độc hại, chất dễ cháy, nổ, hàng nguy hiểm, hàng cấm lưu thông mang theo trên xe khách.

4. Những vấn đề về an toàn giao thông đường bộ khi đi xe đạp

a) Đi xe đạp như thế nào thì bảo đảm an toàn?

Đối với học sinh, do phải đi lại nhiều để học chính khóa, học thêm các môn học cần thiết để tham dự kỳ thi tuyển vào các trường đại học và cao đẳng hoặc để tham gia các hoạt động sinh hoạt lớp, tình nguyện, vui chơi giải trí văn nghệ, thể dục thể thao,... trong đó, có rất nhiều trường hợp phải đi xe đạp trong quá trình tham gia giao thông, mặt khác, nghiên cứu về đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh cho thấy: đây là tuổi trẻ, “chuẩn bị thành người lớn”, có tính hiếu động, thích cái mới, thích thể hiện,... nhưng vấn đề lựa chọn hành vi lại chưa tốt, dễ bột phát, khả năng (bản lĩnh) kiềm chế hành vi chưa được như mong muốn. Vì vậy, nếu để xảy ra tai nạn trong quá trình đi xe đạp thì sẽ gây nên bất hạnh cho gia đình và xã hội.

Cũng như đối với những người tham gia giao thông khác, học sinh khi điều khiển xe đạp, xe thô sơ khác phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, phải điều chỉnh hành vi của mình khi điều khiển xe đạp, xe thô sơ khác theo đúng những quy định pháp luật, hội tụ đầy đủ các yếu tố khoa học và pháp lý; có như vậy mới bảo đảm giữ gìn an toàn cho mình và cho người khác, góp phần giữ vững trật tự, kỷ cương của xã hội.

b) Một số quy định nhằm bảo đảm an toàn khi đi xe đạp:

Theo các Điều 31, Điều 56 Luật giao thông đường bộ năm 2008, quy định đối với người điều khiển xe đạp, xe thô sơ khác khi tham gia giao thông phải chấp hành như sau:

- Khi tham gia giao thông, xe thô sơ phải bảo đảm điều kiện an toàn giao thông đường bộ;

- Người điều khiển xe đạp chỉ được chở một người, trừ trường hợp chở thêm một trẻ em dưới 7 tuổi thì được chở tối đa hai người.

- Người điều khiển xe đạp phải thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật giao thông đường bộ năm 2008, cụ thể là người điều khiển xe đạp không được thực hiện các hành vi sau:

+ Đi xe dàn hàng ngang;

+ Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;

+ Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính;

+ Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang, vác và chở vật cồng kềnh;

+ Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

+ Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Người ngồi trên xe đạp khi tham gia giao thông phải thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 30 của Luật giao thông đường bộ năm 2008, cụ thể là

người ngồi trên xe đạp không được thực hiện các hành vi sau:

- + Mang, vác vật công kên;
- + Sử dụng ô;
- + Bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;
- + Đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;

+ Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.
- Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách.

- Người điều khiển xe thô sơ khác phải cho xe đi hàng một, nơi có phần đường dành cho xe thô sơ thì phải đi đúng phần đường quy định; khi đi ban đêm phải có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe. Người điều khiển xe súc vật kéo phải có biện pháp bảo đảm vệ sinh trên đường.

- Hàng hóa xếp trên xe thô sơ phải bảo đảm an toàn, không gây cản trở giao thông và che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

c) Những trường hợp học sinh khi điều khiển xe đạp, xe thô sơ thường vi phạm:

+ Đi xe dàn hàng ngang, dàn hàng 3, hàng 4 lấn chiếm lòng đường;

- + Vượt đèn đỏ;
- + Đi vào đường ngược chiều;
- + Buông cả hai tay hoặc nhấc bánh trước đi xe đạp bằng một bánh sau;

+ Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;

- + Sang đường, chuyển hướng không quan sát;
- + Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính;
- + Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác;
- + Điều khiển xe đạp lạng lách, đánh võng;
- + Điều khiển xe đạp đèo 3, hoặc 4 người;
- + Để người ngồi phía sau mang, vác vật cồng kềnh;
- + Để người ngồi sau sử dụng ô che nắng;
- + Để người ngồi sau bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;

+ Để người ngồi sau đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc không ngồi sau mà lại ngồi trên tay lái;

d) Chế tài xử phạt vi phạm hành chính:

Tại Điều 8, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, như sau:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 60.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường quy định;

(b) Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước;

(c) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm h, khoản 2; điểm e khoản 4 Điều này;

(d) Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

(đ) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị có lề đường;

(e) Chạy trong hầm đường bộ không có đèn hoặc vật phát sáng báo hiệu; dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

(g) Xe đạp, xe đạp máy đi dàn hàng ngang từ ba xe trở lên, xe thô sơ khác đi dàn hàng ngang từ hai xe trở lên;

(h) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô, điện thoại di động; người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô;

(i) Xe thô sơ đi ban đêm không có báo hiệu bằng đèn hoặc vật phản quang.

(2) Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng đối với người điều khiển xe vi phạm một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông, đỗ xe trên đường xe điện, đỗ xe trên cầu gây cản trở giao thông;

(b) Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt;

(c) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn hoặc gây cản trở đối với xe cơ giới xin vượt, gây cản trở xe ưu tiên;

(d) Dùng xe đẩy làm quây hàng lưu động trên đường, gây cản trở giao thông;

(đ) Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

(e) Xe đạp, xe đạp máy, xe xích lô chở quá số người quy định, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu;

(g) Xếp hàng hóa vượt quá giới hạn quy định, không bảo đảm an toàn, gây trở ngại giao thông; che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

(h) Khi tín hiệu đèn giao thông đã chuyển sang màu đỏ nhưng không dừng lại trước vạch dừng mà vẫn tiếp tục đi, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng trước khi tín hiệu đèn giao thông chuyển sang màu vàng.

(3) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe đạp, xe đạp máy buông cả hai tay; chuyển hướng đột ngột trước đầu xe cơ giới đang chạy; dùng chân điều khiển xe đạp, xe đạp máy;

(b) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

(c) Người điều khiển hoặc người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang vác vật cồng kềnh; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác.

(4) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; đuổi nhau trên đường;

(b) Đi xe bằng một bánh đối với xe đạp, xe đạp máy; đi xe bằng hai bánh đối với xe xích lô;

(c) Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

(d) Người điều khiển, người ngồi trên xe đạp máy không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

(đ) Chở người ngồi trên xe đạp máy không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

(e) Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều đường của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”; đi vào đường cao tốc, trừ phương tiện phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc.

(5) Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần

hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu phương tiện.

5. Khi được người khác chở trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp

Người khác ở đây được hiểu là những người có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để điều khiển xe máy, xe đạp.

Quy định của pháp luật đối với người ngồi trên xe máy, xe đạp như sau (Điều 30, Điều 31 Luật giao thông đường bộ năm 2008) như sau:

- + Phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách;
- + Không được mang, vác vật cồng kềnh;
- + Không được sử dụng ô;
- + Không được bám, kéo hoặc đẩy các phương tiện khác;
- + Không được đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái;
- + Không được có hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

6. Những quy định và những điều cấm khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy

a) Những quy định khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy

Khoản 2 Điều 58, Luật giao thông đường bộ

năm 2008 quy định: người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

+ Đăng ký xe;

+ Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới quy định tại Điều 59 của Luật giao thông đường bộ năm 2008.

+ Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới quy định tại Điều 55 của Luật giao thông đường bộ năm 2008.

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

Giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³;

Giấy phép lái xe hạng A2 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi - lanh từ 175 cm³ trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 60 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định độ tuổi của người lái xe mô tô như sau:

+ Người đủ 16 tuổi trở lên được lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm³;

+ Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi;

Điều 30, Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định đối với người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy như sau:

- Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:

- + Chở người bệnh đi cấp cứu;
- + Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.
- + Trẻ em dưới 14 tuổi;

- Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách;

- Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi sau đây:

- + Đi xe dàn hàng ngang;
- + Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;
- + Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính;
- + Sử dụng xe để kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang, vác và chở vật cồng kềnh;
- + Buông cả hai tay hoặc đi xe bằng một bánh đối với xe hai bánh, bằng hai bánh đối với xe ba bánh;
- + Hành vi khác gây mất trật tự, an toàn giao thông.

Trong thực tế, vì cuộc sống mưu sinh mà ở địa bàn vùng nông thôn, một số học sinh trung học phổ thông (đủ 18 tuổi) sử dụng xe mô tô, xe gắn máy

để vận chuyển khách hoặc vận chuyển hàng hóa. Vì vậy, cần nắm vững quy định tại Thông tư số 08/2009/TT-BGTVT ngày 23-6-2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa, và Thông tư số 46/2014/TT-BGTVT ngày 06-10-2014 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2009/TT-BGTVT, cụ thể tại Điều 3 có một số quy định như sau:

- Đối với người điều khiển: Khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

+ Đăng ký xe;

+ Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới theo quy định.

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

+ Trang bị mũ bảo hiểm cho hành khách đi xe đối với các loại xe bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm.

Ngoài ra, người điều khiển phương tiện giao thông phải có sức khỏe bảo đảm điều khiển xe an toàn. Phải có hiểu biết quy tắc giao thông đường bộ. Đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, người điều khiển phải có biển hiệu hoặc trang phục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định để nhận biết với các đối tượng tham gia giao thông khác.

- Đối với phương tiện vận chuyển Điều 4 Thông tư này nêu rõ: Phải bảo đảm các quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 53 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

b) Những quy định về tốc độ khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy:

Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT ngày 17-7-2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, tại Điều 4 quy định về nguyên tắc chung khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên bộ như sau:

- Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn giữa hai xe cơ giới được ghi trên biển báo hiệu đường bộ; tại những đoạn đường không có biển báo hiệu đường bộ quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn giữa lái xe cơ giới, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải thực hiện các quy định tại Thông tư này.

- Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải điều khiển xe chạy với tốc độ phù hợp với điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết để bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 5 Thông tư này quy định về các trường hợp phải giảm tốc độ: Người điều khiển phương

tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

+ Có biển cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

+ Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;

+ Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao cắt đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường mà mặt đường không êm thuận;

+ Qua cầu, cống hẹp; khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc;

+ Qua khu vực có trường học vào giờ học sinh đến trường hoặc tan trường; khu vực đông dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường; khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông;

+ Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường;

+ Có súc vật đi trên đường hoặc chần thả ở sát đường;

+ Tránh xe chạy ngược chiều hoặc khi cho xe chạy sau vượt;

+ Đến gần bến xe buýt, điểm dừng đỗ xe có khách đang lên, xuống xe;

+ Gặp đoàn xe ưu tiên; gặp xe quá khổ, quá tải, xe chở hàng nguy hiểm; vượt đoàn người đi bộ;

+ Trời mưa; có sương mù; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, cát bụi rơi vãi.

Điều 6, Điều 7 Thông tư số 13/2009/TT-BGTVT quy định về tốc độ tối đa cho phép xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông trên đường bộ trong và ngoài khu vực đông dân cư như sau:

- Tốc độ tối đa cho phép xe mô tô; xe gắn máy tham gia giao thông trên đường bộ trong khu vực đông dân cư là 40 km/h.

- Tốc độ tối đa cho phép xe mô tô tham gia giao thông trên đường bộ ngoài khu vực đông dân cư là 60 km/h.

- Tốc độ tối đa cho phép xe gắn máy tham gia giao thông trên đường bộ ngoài khu vực đông dân cư là 50 km/h.

c) Một số hành vi nghiêm cấm khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy:

Đối với các hành vi bị nghiêm cấm: Tại Điều 8, Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định 23 khoản, trong đó quy định nghiêm cấm người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy có các hành vi sau:

+ Đưa xe cơ giới không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

+ Đua xe, cố vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng.

+ Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy.

+ Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở.

+ Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

+ Điều khiển xe cơ giới chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu.

+ Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư, trừ các xe được quyền ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.

+ Lắp đặt, sử dụng còi, đèn không đúng thiết kế của nhà sản xuất đối với từng loại xe cơ giới; sử dụng thiết bị âm thanh gây mất trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.

+ Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.

+ Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm.

+ Khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông.

+ Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn.

+ Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

+ Sản xuất, sử dụng trái phép hoặc mua, bán biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

+ Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

d) Chế tài xử phạt vi phạm hành chính:

Tại Điều 6, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt người điều khiển, người ngồi trên mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, như sau:

(1) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định ở điểm a, điểm đ, điểm h khoản 2; điểm c, điểm đ, điểm h, điểm o khoản 3; điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4; điểm a, điểm c, điểm d khoản 5; điểm đ khoản 6; điểm d khoản 7 Điều này;

(b) Không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt;

(c) Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước hoặc không giữ khoảng cách theo quy định của biển báo hiệu “Cự ly tối thiểu giữa hai xe”;

(d) Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: Người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ;

(đ) Chuyển hướng không nhường đường cho: Các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ;

(e) Lùi xe mô tô ba bánh không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

(g) Sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều;

(h) Người đang điều khiển xe sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính; người ngồi trên xe sử dụng ô;

(i) Không tuân thủ các quy định về nhường đường tại nơi đường giao nhau, trừ các hành vi vi phạm quy định tại các điểm d khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này.

(2) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Chuyển làn đường không đúng nơi được phép hoặc không có tín hiệu báo trước;

(b) Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 03 (ba) xe trở lên;

(c) Không sử dụng đèn chiếu sáng khi trời tối hoặc khi sương mù, thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn;

(d) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

(đ) Tránh xe không đúng quy định; không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật;

(e) Bấm còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

(g) Xe được quyền ưu tiên khi đi làm nhiệm vụ không có tín hiệu còi, cờ, đèn theo đúng quy định;

(h) Quay đầu xe tại nơi cấm quay đầu xe.

(3) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường;

(b) Không giảm tốc độ hoặc không nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính;

(c) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

(d) Điều khiển xe chạy tốc độ thấp mà không đi bên phải phần đường xe chạy gây cản trở giao thông;

(đ) Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 (ba) xe trở lên ở lòng đường, trên cầu, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật;

(e) Bấm còi, rú ga liên tục trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

(g) Xe không được quyền ưu tiên sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn của xe ưu tiên;

(h) Dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện, điểm dừng đón trả khách của xe buýt, trên cầu, nơi đường bộ giao nhau, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ xe tại nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn của đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 48 Nghị định này;

(i) Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc

đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;

(k) Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

(l) Chở theo 02 (hai) người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 14 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;

m) Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, không tham gia cấp cứu người bị nạn, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 6 Điều này;

(n) Người ngồi phía sau vòng tay qua người ngồi trước để điều khiển xe, trừ trường hợp chở trẻ em ngồi phía trước;

(o) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

(4) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ;

(b) Chở theo từ 03 (ba) người trở lên trên xe;

(c) Khi tín hiệu đèn giao thông đã chuyển sang màu đỏ nhưng không dừng lại trước vạch dừng mà vẫn tiếp tục đi, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng trước khi tín hiệu đèn giao thông chuyển sang màu vàng;

(d) Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép;

đ) Điều khiển xe thành đoàn gây cản trở giao thông, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

(e) Điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ xe phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc;

(g) Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường, làn đường quy định hoặc điều khiển xe đi trên hè phố;

(h) Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

(i) Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

(k) Người điều khiển xe hoặc người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác vật cồng kềnh; người ngồi trên xe đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái; xếp hàng hóa trên xe vượt quá giới hạn quy định; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác;

(l) Chở hàng vượt trọng tải thiết kế được ghi trong Giấy đăng ký xe đối với loại xe có quy định về trọng tải thiết kế;

(m) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông.

(5) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

(b) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở;

(c) Vượt xe trong những trường hợp cấm vượt, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 4 Điều này;

(d) Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần; dừng xe, đỗ xe, vượt xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

(đ) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

(6) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy;

(b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ;

(c) Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; vượt xe hoặc chuyển làn đường trái quy định gây tai nạn giao thông;

(d) Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

(đ) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h;

(e) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.

(7) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe;

(b) Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị;

(c) Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

(d) Điều khiển xe thành nhóm từ 02 (hai) xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.

(8) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khoản 7 Điều này mà gây tai nạn giao thông hoặc không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của người thi hành công vụ.

(9) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 24 tháng (trong trường hợp có Giấy phép lái xe) hoặc phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng (trong trường hợp không có Giấy phép lái xe hoặc có nhưng đang bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe) đối với người điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy.

(10) Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

(a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm g khoản 3 Điều này bị tịch thu còi, cờ, đèn sử dụng trái quy định;

(b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c, điểm i, điểm m khoản 4; điểm b khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 01 tháng;

(c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 5; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 6; Khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng

Giấy phép lái xe 02 tháng; tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần hành vi quy định tại Khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 04 tháng, tịch thu phương tiện. Thực hiện hành vi quy định tại một trong các điểm, khoản sau của Điều này mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 02 tháng: điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 1; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm h khoản 2; điểm a, điểm đ, điểm g, điểm h, điểm o khoản 3; điểm b, điểm c, điểm e, điểm g, điểm i, điểm k, điểm m khoản 4; điểm b, điểm d khoản 5;

(d) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 8 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 04 tháng.

Tại các khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 7, khoản 8 Điều 21 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới, như sau:

(1) Phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự xe mô tô hoặc điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô.

(2) Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

(b) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không mang theo Giấy đăng ký xe;

(c) Người điều khiển xe mô tô không mang theo Giấy phép lái xe.

...

(4) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

(a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên;

...

(5) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 7 Điều này.

...

(7) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên, xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:

(a) Có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển hoặc đã hết hạn sử dụng từ 06 (sáu) tháng trở lên;

(b) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

(8) Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, điểm b khoản 7 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

đ) Hình thức xử lý khác:

Tại Điều 75, Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định tạm giữ phương tiện giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm, như sau:

(1) Để ngăn chặn ngay vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được phép tạm giữ phương tiện đến 07 (bảy) ngày trước khi ra quyết định xử phạt đối với những hành vi vi phạm được quy định tại các điều, khoản, điểm sau đây của Nghị định này:

(a) Điểm b khoản 5; điểm b, điểm d khoản 7; khoản 8; khoản 10 điều 5;

(b) Điểm b khoản 5; điểm b, điểm e khoản 6; khoản 7; khoản 8; khoản 9 điều 6;

(c) Điểm d khoản 4; điểm a khoản 6; khoản 7; khoản 8 điều 7;

(d) Điểm d, điểm đ khoản 4 điều 8 trong trường hợp người vi phạm là người dưới 16 tuổi và điều khiển phương tiện;

(đ) Khoản 4; điểm d, điểm đ khoản 5 điều 16;

(e) Khoản 3 điều 17;

(g) Điểm a, điểm đ khoản 1 điều 19;

(h) Khoản 1; điểm a, điểm c khoản 4; khoản 5; khoản 6; khoản 7 điều 21.

2. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt còn có thể quyết định tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm một trong các hành vi quy định tại Nghị định này theo quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nếu quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ việc vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông, sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ.

3. Khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 75 nêu trên, chủ phương tiện phải chịu mọi chi phí (nếu có) cho việc sử dụng phương tiện khác thay thế để vận chuyển người, hàng hóa được chở trên phương tiện bị tạm giữ.

7. Một số hành vi vi phạm khác học sinh cần lưu ý

Ngoài các vấn đề đã đề cập ở trên, do điều kiện khu vực sân vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động thể dục, thể thao bó hẹp hoặc không có nên học sinh trung học phổ thông còn có một số hành vi vi phạm khác ảnh hưởng không nhỏ đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, những vi phạm phổ biến đó là:

- + Đá bóng, đá bóng lăn, hoặc chạy lấy bóng dưới lòng đường;
- + Đánh cầu lông dưới lòng đường;
- + Đá cầu dưới lòng đường;
- + Đẩy xe đạp dưới lòng đường khi vui chơi giải trí.

Phần 3

CÁC NHÓM HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THƯỜNG GẶP ĐỐI VỚI HỌC SINH

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ là những hành vi của cá nhân, tổ chức vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm: Các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ; các hành vi vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các hành vi vi phạm quy định về phương tiện tham gia giao thông đường bộ; Các hành vi vi phạm quy định về người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; các hành vi vi phạm quy định về vận tải đường bộ; các hành vi vi phạm khác liên quan đến giao thông đường bộ.

Nghiên cứu đặc điểm của nhóm đối tượng vi phạm là học sinh cho thấy, các vi phạm chủ yếu của nhóm đối tượng này tập trung vào các hành vi: vi phạm về quy tắc giao thông đường bộ; vi phạm quy định về phương tiện tham gia giao thông và vi phạm quy định về người điều khiển phương tiện giao thông.

I. VI PHẠM CÁC QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ là các hành vi xâm hại mà người điều khiển xe ô tô, mô tô, xe đạp và người đi bộ vi phạm các quy định về quy tắc an toàn giao thông khi tham gia vào hoạt động giao thông đường bộ. Các hành vi vi phạm quy tắc khi tham gia giao thông của nhóm đối tượng là học sinh phổ thông có thể được chia làm ba nhóm vi phạm chính, đó là: các vi phạm của người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy; các vi phạm của người đi xe đạp; và các vi phạm của người đi bộ.

1. Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy

Những hành vi vi phạm các quy tắc giao thông đường bộ của người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện, các loại xe tương tự mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy (kể cả xe ba gác máy, xe lôi máy) có thể chia làm các nhóm vi phạm chính sau:

a) *Vi phạm phần đường khi tham gia giao thông*: Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường, làn đường quy định hoặc điều khiển xe đi trên hè phố;

b) *Nhóm vi phạm các quy tắc về dừng, đỗ phương tiện*:

- Không thực hiện đúng các quy định dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt; dừng xe, đỗ xe tại nơi có biển cấm dừng, cấm đỗ, trên đường xe điện, điểm dừng đón trả khách của xe buýt, trên cầu;

- Tránh xe, vượt xe không đúng quy định; không nhường đường theo quy định tại các nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật;

- Để xe ở lòng đường, hè phố trái quy định của pháp luật;

- Dừng xe, đỗ xe tại các vị trí: trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường, ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông;

c) *Nhóm vi phạm các quy tắc tránh vượt*:

- Không báo hiệu trước khi xin vượt;

- Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

- Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

d) Nhóm vi phạm các quy tắc chuyển hướng phương tiện:

- Chuyển hướng không nhường đường cho người đi bộ tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường hoặc cho người điều khiển xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho họ;

- Lùi xe mô tô ba bánh không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

- Chuyển làn đường không đúng nơi được phép hoặc không có tín hiệu báo trước;

- Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc; dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy trên đường cao tốc; quay đầu xe, lùi xe trên đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước khi chạy trên đường cao tốc;

đ) Nhóm vi phạm các quy định về tốc độ:

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h;

- Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h;

- Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính;

e) Không chấp hành các tín hiệu chỉ huy giao thông:

- Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường.

- Không tuân thủ quy tắc, hướng dẫn của người điều khiển giao thông khi qua phà, cầu phao;

- Không tuân thủ hướng dẫn của người điều khiển giao thông tại nơi ùn tắc giao thông;

- Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông;

- Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông; không nhường đường hoặc gây cản trở xe ưu tiên;

g) Các vi phạm khác, bao gồm:

- Người đang điều khiển xe sử dụng ô, điện thoại di động, tai nghe (trừ người khiếm thính); người ngồi trên xe sử dụng ô;

- Tụ tập từ 3 (ba) xe trở lên ở lòng đường, trên cầu, trong hầm đường bộ;

- Không tuân thủ khoảng cách an toàn tối thiểu khi điều khiển xe chạy trên đường cao tốc;

- Chở quá 1 (một) người so với số người được phép chở (một người lớn và một trẻ em dưới 7 tuổi), trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, áp giải người phạm tội;

- Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 3 (ba) xe trở lên; đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

- Người điều khiển xe hoặc người ngồi trên xe kéo đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác, chở vật công kênh;

- Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm hoặc có mũ bảo hiểm nhưng không cài quai khi đi trên đường theo quy định;

- Điều khiển xe thành đoàn gây cản trở giao thông;

- Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép;

- Điều khiển xe mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá quy định hoặc có các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng; không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ;

- Vượt xe trong những trường hợp cấm vượt hoặc điều khiển xe chuyển hướng đột ngột ngay trước đầu xe khác;

- Dùng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy;

- Sử dụng các loại xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên trái quy định;

- Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; vượt xe hoặc chuyển làn đường trái quy định gây tai nạn giao thông;

- Điều khiển xe hai, ba bánh lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị;

- Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, xe chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

- Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe hai, ba bánh; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; đứng trên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy;

- Điều khiển xe hai, ba bánh thành nhóm từ 2 (hai) xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.

2. Người đi xe đạp

Các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ của người điều khiển, người ngồi trên xe đạp, xe đạp điện, người điều khiển xe thô sơ khác bao gồm các hành vi:

a) *Vi phạm phần đường khi tham gia giao thông:* Không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường quy định;

b) *Nhóm vi phạm các quy tắc về dừng, đỗ phương tiện:*

- Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị có lề đường;

- Đỗ xe ở lòng đường, hè phố trái quy định của pháp luật;

- Chạy trong hầm đường bộ không có đèn hoặc vật phản quang; dừng xe, đỗ xe trong hầm không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

- Đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao

thông, đỗ xe trên đường xe điện, đỗ xe trên cầu gậy cản trở giao thông;

- Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt;

- Không nhường đường hoặc gây cản trở đối với xe cơ giới xin vượt, gây cản trở xe ưu tiên;

- Dừng xe đẩy làm quây hàng lưu động trên đường giao thông, trên đường phố gây cản trở giao thông;

c) Nhóm vi phạm các quy tắc tránh vượt:

- Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

- Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

- Nhóm vi phạm các quy tắc chuyển hướng phương tiện: Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước;

d) Không chấp hành các tín hiệu chỉ huy giao thông:

- Không tuân thủ quy tắc, hướng dẫn của người điều khiển giao thông khi qua phà, cầu phao hoặc khi ùn tắc giao thông;

- Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường.

- Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;

e) Các vi phạm khác, bao gồm:

- Xe đạp, xe đạp điện đi dàn hàng ngang từ hai xe trở lên, xe thô sơ khác đi dàn hàng ngang từ hai xe trở lên;

- Người điều khiển xe đạp, xe đạp điện sử dụng ô, điện thoại di động, người ngồi trên xe đạp, xe đạp điện sử dụng ô;

- Xe thô sơ đi ban đêm không có báo hiệu bằng đèn hoặc vật phản quang.

- Xe đạp, xe đạp điện, xe xích lô chở quá số người quy định, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu;

- Hàng xếp trên xe không bảo đảm an toàn, gây trở ngại giao thông; che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

- Điều khiển xe đạp, xe đạp điện buông cả hai tay; chuyển hướng đột ngột trước đầu xe cơ giới đang chạy; dùng chân điều khiển xe đạp, xe đạp điện;

- Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều đường của đường một chiều;

- Người điều khiển hoặc người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác; mang vác, chở vật cồng kềnh.

- Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; đuổi nhau trên đường;

- Đi xe bằng một bánh đối với xe đạp, xe đạp điện; đi xe bằng hai bánh đối với xe xích lô;

- Khi xảy ra tai nạn không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo

với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.

3. Người đi bộ

Người đi bộ khi tham gia giao thông thường có các hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ như sau:

- Không đi đúng phần đường quy định;
- Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường;
- Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, người kiểm soát giao thông.
- Mang, vác vật cồng kềnh gây cản trở giao thông;
- Trèo qua dải phân cách; đi qua đường không bảo đảm an toàn;
- Đu, bám vào phương tiện giao thông đang chạy.

II. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CỦA PHƯƠNG TIỆN KHI THAM GIA GIAO THÔNG

Vi phạm các quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông là các hành vi vi phạm các tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật, vi phạm các thể lệ hành chính của phương tiện tham gia giao thông, bao gồm các hành vi cụ thể sau đây:

- Điều khiển xe không có còi; đèn soi biển số; đèn báo hãm; đèn tín hiệu; gương chiếu hậu bên trái người điều khiển hoặc có nhưng không có tác dụng;

- Gắn biển số không đúng quy định; biển số mờ; biển số bị bẻ cong; biển số bị che lấp; biển số bị hỏng.

- Điều khiển xe không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Sử dụng còi không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật cho từng loại xe;

- Không có bộ phận giảm thanh hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;

- Không có đèn chiếu sáng gần, xa hoặc có nhưng không có tác dụng.

- Không có giấy đăng ký xe theo quy định;

- Sử dụng giấy đăng ký xe đã bị tẩy xóa; sử dụng giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Không gắn biển số (nếu có quy định phải gắn biển số); gắn biển số không đúng với số hoặc ký hiệu trong giấy đăng ký; biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Xe đăng ký tạm hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;

- Điều khiển xe tự sản xuất, lắp ráp.

III. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CỦA NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI KHI THAM GIA GIAO THÔNG

Vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển phương tiện cơ giới khi tham gia giao thông

là các hành vi vi phạm các quy định về độ tuổi, thể lệ hành chính theo quy định của pháp luật, bao gồm các vi phạm sau đây:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự mô tô hoặc điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên;

- Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không mang theo giấy đăng ký xe; không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

- Người điều khiển xe mô tô không mang theo giấy phép lái xe.

- Người điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe hoặc sử dụng giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; giấy phép lái xe bị tẩy xóa;

- Người điều khiển xe ô tô không mang theo giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô có giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn;

- Điều khiển xe ô tô không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô.

- Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô có giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển; không có giấy phép lái xe hoặc giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

IV. HÌNH THỨC XỬ PHẠT

Để bảo đảm việc thi hành các quy định về xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông đường bộ, người vi phạm có thể bị áp dụng một trong các biện pháp xử phạt chính, bao gồm: phạt cảnh cáo và phạt tiền. Ngoài ra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề; và tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt (khoản 4 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Ngoài hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép; buộc thực hiện biện pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính gây ra; ngoài ra, còn phải thực hiện các biện pháp khác quy định tại Chương 2, Chương 3 Nghị định số 171/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung như: buộc phải xếp, dỡ hàng theo quy định, thu dọn đĩnh, vật sắc nhọn; tháo dỡ dây, các vật cản và làm sạch mặt đường giao thông do vi phạm hành chính gây ra...

Xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì bị phạt cảnh cáo (theo quy định tại Điều 22 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012). Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính thì có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính được nêu ở trên. Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính bị phạt tiền thì mức tiền phạt không quá một phần hai mức tiền phạt đối với người thành niên; trường hợp không có tiền nộp phạt hoặc không có khả năng thực hiện biện pháp

khắc phục hậu quả thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải nộp thay. Trong quá trình xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính, bí mật riêng tư của người chưa thành niên phải được tôn trọng và bảo vệ (các khoản 3, khoản 4 Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
Phần 1	
NHỮNG TÍN HIỆU GIAO THÔNG HỌC SINH CẦN BIẾT KHI ĐI TRÊN ĐƯỜNG NHẪM BẢO ĐẢM AN TOÀN	11
1. Các biển báo cấm trên hệ thống đường bộ Việt Nam	12
2. Các biển báo nguy hiểm trên hệ thống đường bộ Việt Nam	25
3. Các biển hiệu lệnh trên hệ thống đường bộ Việt Nam	45
4. Các biển chỉ dẫn giao thông trên hệ thống đường bộ Việt Nam:	51
5. Các biển báo phụ trên hệ thống đường bộ Việt Nam	71
6. Hệ thống vạch kẻ đường trong giao thông đường bộ Việt Nam	75
7. Cọc tiêu hoặc tường rào bảo vệ	83
8. Hàng rào chắn	83
9. Chấp hành báo hiệu đường bộ	83
Phần 2	
NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỐI VỚI HỌC SINH KHI THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ	84
1. Những tín hiệu giao thông học sinh, sinh viên cần biết khi đi đường	84

2. Một số quy định nhằm bảo đảm an toàn khi đi bộ	87
3. Những trường hợp học sinh khi đi bộ thường vi phạm	89
4. Những vấn đề về an toàn giao thông đường bộ khi đi xe đạp	92
5. Khi được người khác chở trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp	99
6. Những quy định và những điều cấm khi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy	99
7. Một số hành vi vi phạm khác học sinh cần lưu ý	120

Phần 3

CÁC NHÓM HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THƯỜNG GẶP ĐỐI VỚI HỌC SINH

I. Vi phạm các quy tắc giao thông đường bộ	122
1. Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy	122
2. Người đi xe đạp	127
3. Người đi bộ	130
II. Vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông	130
III. Vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển phương tiện cơ giới khi tham gia giao thông	131
IV. Hình thức xử phạt	133

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP XUẤT BẢN
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
PHẠM VIỆT

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
Đại tá NGUYỄN HỒNG THÁI

P. GIÁM ĐỐC - P. TỔNG BIÊN TẬP
ThS. MÃ DUY QUÂN

Biên tập nội dung:	TRẦN QUỐC THẮNG NGUYỄN HOÀNG YẾN
Trình bày bìa:	NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chế bản vi tính:	LÊ MINH ĐỨC
Sửa bản in:	NGUYỄN SƠN LÂM
Đọc sách mẫu:	TRẦN QUỐC THẮNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

- HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ NĂM 2008

VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

- LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH NĂM 2012

VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH



8935211177581

ISBN:978-604-57-2009-7



9 786045 720097

SÁCH KHÔNG BÁN